TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 829/2017/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 12 - 2017
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông
2. Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 621/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2017/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11/35, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 11, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 11/35, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Huyền trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị H kết hôn với anh Phạm Văn G trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 02 năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau trong tình cảm và trong việc làm ăn kinh tế dẫn đến thường xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Do

mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn 11, xã H từ tháng 8 năm 2015 và sống ly thân với anh G từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh G đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

Về con chung: Chị Ngô Thị H khai chị và anh Phạm Văn G có 02 con chung là: Phạm Tuấn P, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2004 và Phạm Đức N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2007. Hiện chị H đang nuôi con tên Phạm Đức N, anh G đang nuôi con tên Phạm Tuấn P. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh G tự thỏa thuận giao nhận với nhau nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Ngô Thị H khai chị và anh Phạm Văn G không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn G đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác do Tòa án tống đạt nhưng đến ngày mở phiên tòa, anh G vẫn không có mặt để trình bày ý kiến về việc chị H xin ly hôn.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn G được ly hôn. Về con chung: Chị H, anh G có hai con chung là Phạm Đức N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2007 và Phạm Tuấn P, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2004. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Đức N, đề nghị Tòa án giao cho anh G trực tiếp nuôi con tên Phạm Tuấn P. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung là Phạm Đức N và giao cho anh G trực tiếp nuôi con chung là Phạm Tuấn P cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn G đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn G.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn G là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau trong quan hệ tình cảm và trong làm ăn kinh tến dẫn đến thường xuyên cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh G đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, do mâu thuẫn chị H, anh G đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2015 đến nay. Mặt khác, anh G hiện vẫn có mặt tại địa phương và biết rõ chị H xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh G nhiều lần nhưng anh G vẫn vắng mặt thể hiện anh G không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Ngô Thị H được ly hôn anh Phạm Văn G.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn G có 02 con chung là Phạm Tuấn P, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2004 và Phạm Đức N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2007. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Phạm Đức N và yêu cầu Tòa án giao cho anh G trực tiếp nuôi con chung Phạm Tuấn P. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét từ khi sống ly thân đến nay, chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Đức N, anh G trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Tuấn P và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, có thể giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao cho chị Ngô Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đức N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2007 và giao cho anh Phạm Văn G được trực tiếp nuôi con chung là Phạm Tuấn P, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2004 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị H trình bày để chị và anh G tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Ngô Thị H khai chị và anh Phạm Văn G không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, chưa có lời khai của anh G nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn G.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đức N, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2007; giao cho anh Phạm Văn G trực tiếp nuôi con chung là Phạm Tuấn P, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2004 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Ngô Thị H và anh Phạm Văn G tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Ngô Thị H khai chị và anh Phạm Văn G không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00005771 ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, chị Ngô Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Ngô Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho anh Giang hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND thị trấn N, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Anh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2017

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Nguyễn Thị Vân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 621/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Huyền, sinh năm 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11/35, đường 25/10, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 11, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Giang, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 11/35, đường 25/10, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Huyền và anh Phạm Văn Giang.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đức Nguyên, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2007; giao cho anh Phạm Văn Giang trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Tuấn Phong, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2004 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Thị Huyền và anh Phạm Văn Giang tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Huyền phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005771 ngày 08

tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, chị Ngô Thị Huyền đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Ngô Thị Huyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn Giang có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho anh Giang hoặc được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Đông - Nguyễn Thị Vân	**Lương Ngọc Anh**